



VAI TRÒ ĐỊA CHÍNH TRỊ CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á ĐỐI VỚI HOA KỲ NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Ngô Thị Bích Lan*

Khoa Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Ngô Thị Bích Lan (email: bichlan1008@gmail.com)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 08/03/2017

Ngày nhận bài sửa: 13/07/2017

Ngày duyệt đăng: 28/04/2018

Title:

Southeast Asian geopolitics in US foreign policy in the early years of the 21st century

Từ khóa:

Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, địa chính trị, địa chính trị Đông Nam Á, quan hệ Hoa Kỳ - ASEAN, quyền lực mềm Hoa Kỳ

Keywords:

Geo-politics, Southeast Asian's Geo-politics, US-ASEAN relationships, US foreign policy, US soft power

ABSTRACT

Geo-politics plays an increasingly important role in international relations as well as the foreign policy of each nation. US is one of the world's most powerful countries which appreciates geo-political factor in planning and implementing their foreign policy. In the 21st century, Asia-Pacific has become the essential area where many powerful countries set up their strategic interests. In this area, Southeast Asia is considered the strategic area in foreign policy of many countries, including America. The focus of this paper is to analyze the geo-political roles of the Southeast Asia to US security and counter-terrorism policies, trade relations, and implementing its soft power.

TÓM TẮT

Địa chính trị ngày càng đóng vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế nói chung và chính sách đối ngoại của các quốc gia nói riêng. Hoa Kỳ là một trong số các cường quốc hàng đầu thế giới đánh giá cao yếu tố địa chính trị trong việc hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại. Bước vào thế kỷ XXI, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương được xem là khu vực đáng chú ý của thế giới khi là nơi cạnh tranh lợi ích chiến lược các cường quốc. Tại đây, Đông Nam Á được đánh giá là địa bàn chiến lược với vai trò địa chính trị quan trọng trong chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia, bao gồm cả Hoa Kỳ. Bài viết đi sâu phân tích vai trò địa chính trị khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ trên ba khía cạnh: chính sách chống khủng bố và an ninh, quan hệ thương mại và thực thi quyền lực mềm của Hoa Kỳ.

Trích dẫn: Ngô Thị Bích Lan, 2018. Vai trò địa chính trị của khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ những năm đầu thế kỷ XXI. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3C): 209-215.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Địa chính trị đóng vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế nói chung và chính sách đối ngoại của các quốc gia nói riêng. Các quốc gia trong hệ thống quốc tế, dù lớn hay nhỏ nếu biết tận dụng và phát huy tốt yếu tố địa chính trị trong việc hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại sẽ có thể nâng cao thế và lực của mình trên trường quốc tế.

Trong bối cảnh khu vực hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đang tạo ra những điều kiện thuận lợi trong quan hệ giữa các quốc gia, yếu tố địa chính trị được xem xét trên nhiều phương diện đóng góp vai trò ngày càng quan trọng để các quốc gia có thể lựa chọn chính sách đối ngoại hợp lý trong quan hệ quốc tế.

Thế kỷ XXI được xem là thế kỷ của Châu Á – Thái Bình Dương với những điều chỉnh lớn trong

chính sách đối ngoại của nhiều cường quốc trên thế giới, trong đó có Hoa Kỳ. Tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Đông Nam Á là nơi đan xen lợi ích chiến lược của nhiều cường quốc, kể cả Hoa Kỳ. Bài viết đi sâu phân tích vai trò địa chính trị khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ trên ba khía cạnh: chính sách chống khủng bố và an ninh, quan hệ thương mại và thực thi quyền lực mềm của Hoa Kỳ.

2 NỘI DUNG

2.1 Đông Nam Á là địa bàn chiến lược trong chính sách chống khủng bố toàn cầu và an ninh Châu Á – Thái Bình Dương của Hoa Kỳ

Đông Nam Á trong chiến lược chống khủng bố toàn cầu của Hoa Kỳ sau sự kiện 11/9/2001

Sau sự kiện 11/09/2001, cùng lúc phát động Chiến lược chống khủng bố toàn cầu, Hoa Kỳ thực hiện chính sách “Mỹ hóa thế giới” nhằm duy trì chủ nghĩa bá quyền dựa trên ưu thế về sức mạnh quân sự. Với việc đặt mục tiêu chống khủng bố trở thành ưu tiên hàng đầu, Hoa Kỳ lợi dụng vấn đề chống khủng bố và vũ khí giết người hàng loạt nhằm thực hiện các cuộc tiến công chiến lược phủ đầu, gây ảnh hưởng ở các lĩnh vực kinh tế, thương mại, dân chủ bằng nhiều biện pháp khác nhau. Để thực hiện mục tiêu này, Hoa Kỳ đưa quân trở lại nhiều vùng trọng yếu trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á.

Do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tiền tệ 1997 – 1998, các quốc gia Đông Nam Á bước vào thế kỷ XXI trong tình trạng kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, chính trị biến động phức tạp. Sau khi sự kiện 11/09/2001 diễn ra tại Hoa Kỳ, một chi nhánh Al-Qaeda tại Đông Nam Á được cho là đã hỗ trợ thực hiện tấn công vụ khủng bố. Tổ chức này đồng thời công khai nhận trách nhiệm thực hiện các vụ tấn công nhằm vào các mục tiêu của phương Tây tại

Đông Nam Á; trong đó có cuộc khủng bố ngày 12/10/2002 tại đảo Bali (Indonesia), ngày 5/08/2003 tại khách sạn J.W.Marriot (Jakarta), ngày 9/11/2004 tại Đại sứ quán Australia (Indonesia)... Ngoài ra, Đông Nam Á còn là khu vực ẩn chứa nhiều điểm nóng tiềm tàng có khả năng trở thành những cuộc xung đột vũ trang quy mô lớn, đe dọa đến chiến lược an ninh toàn cầu của Hoa Kỳ tại khu vực này.

Trong bối cảnh đó, sự gia tăng ảnh hưởng của các nước Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ tại khu vực này càng khiến phía Hoa Kỳ lo ngại. Để không đánh mất vai trò ảnh hưởng tại Đông Nam Á, Hoa Kỳ đặt khu vực này trở thành mặt trận thứ hai trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Hoa Kỳ chủ trương “*khuyến khích cộng tác với các đối tác trong khu vực để thực hiện các nỗ lực phối hợp nhằm dồn ép, siết chặt và cô lập các nhóm khủng bố*” (The White House, 2003). Theo đó, Hoa Kỳ đã triển khai hàng loạt các hoạt động hợp tác song phương và đa phương với các nước ASEAN. Đặc biệt, Hoa Kỳ gia tăng huấn luyện và hỗ trợ quân đội Philippines trong việc chống lại các nhóm khởi nghĩa vũ trang. Theo số liệu từ phía Philippines, năm 2001 Hoa Kỳ viện trợ cho Philippines 30,08 triệu USD, con số này tăng lên 94,5 triệu USD vào năm 2002 và đến năm 2003 là 114,46 triệu USD. Các con số này cho thấy sự quyết tâm từ phía Hoa Kỳ trong việc thực hiện mục tiêu chống khủng bố và các vấn đề khác liên quan đến an ninh khu vực Đông Nam Á. Nhằm siết chặt hơn mối quan hệ và sự chi phối của Hoa Kỳ trong các vấn đề an ninh khu vực, trong năm 2003, Hoa Kỳ đã tuyên bố Philippines và Thái Lan được hưởng quy chế đồng minh chủ chốt ngoài khối NATO.

Khoảng 5 năm sau sự kiện 11/09/2001, ngoài Philippines, Hoa Kỳ còn thực hiện các gói viện trợ tài chính về an ninh và kinh tế dành cho các quốc gia khác trong khu vực.

Bảng: Viện trợ tài chính và an ninh của Hoa Kỳ cho các nước Đông Nam Á (2002 – 2005)

Đơn vị tính: triệu USD

	2002	2003	2004	2005
Indonesia	142,35	161,41	127,81	174,64
Thái Lan	10,79	12,23	7,9	8,3
Philippines	119,25	150,45	94,24	126,95

Nguồn: Phạm Cao Cường, 2005

Theo các chuyên gia phân tích, dù đã có những liên minh quân sự với các nước như Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines nhưng vẫn chưa thể đáp ứng được nhu cầu về an ninh của Hoa Kỳ ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Về lâu dài, Hoa Kỳ cần mở rộng hợp tác quân sự với các nước còn lại trong khu vực Đông Nam Á. Hiện

nay, Hoa Kỳ đã xây dựng cơ chế an ninh 4 cấp ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, bao gồm:

- Cấp 1: Hoa Kỳ - Nhật Bản
- Cấp 2: Hoa Kỳ - Australia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines
- Cấp 3: Hoa Kỳ - Singapore, Indonesia
- Cấp 4: Hoa Kỳ - Các quốc gia khác

Về mặt chiến lược, an ninh lâu dài của Hoa Kỳ ở khu vực này cần một mô hình hợp tác kiểu NATO ở Châu Á. Có thể thấy, chiến lược chống khủng bố của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á chính là cơ hội lớn để quốc gia này gia tăng sự can thiệp và lợi ích an ninh chiến lược tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Đông Nam Á trong tính toán địa chính trị về an ninh biển đảo khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của Hoa Kỳ

Sau sự kiện 11/9/2001, Hoa Kỳ tiến hành đánh giá lại môi trường an ninh cho Chiến lược toàn cầu mới, trong đó bao gồm mục tiêu đảm nhận trách nhiệm bảo vệ an ninh của các nước đồng minh và bạn bè của Hoa Kỳ, kiểm soát các khu vực chiến lược quan trọng ven biển Châu Á. Theo đó, tính toán chiến lược địa chính trị về an ninh biển đảo khu vực châu Á – Thái Bình Dương của Hoa Kỳ nhắm vào 2 hướng chính là an ninh eo biển Malacca và biển Đông.

Eo biển Malacca nằm giữa bán đảo Mã Lai và đảo Sumatra, nối liền biển Đông và Ấn Độ Dương. Eo biển Malacca rộng khoảng 600 dặm, nằm giữa Indonesia, Malaysia và Singapore, là tuyến giao thông hàng hải cực kỳ quan trọng từ Châu Âu, Châu Phi, Nam Á, Trung Đông qua Đông Nam Á và Đông Á. Theo ước tính, con đường hàng hải qua eo biển Malacca chiếm ¼ lượng giao thông hàng hải thế giới hàng năm. Đây được xem là tuyến đường hàng hải quốc tế thuận lợi nhất từ Vùng Vịnh đến các nước Đông Á. Khoảng 80% lượng dầu nhập khẩu của Nhật Bản và 70% của Trung Quốc từ Trung Đông đều đi qua eo biển này. Bộ năng lượng Hoa Kỳ nhận định: “*Lượng dầu chuyên chở qua eo biển Malacca tới biển Đông lớn gấp 3 lần lượng dầu qua kênh đào Suez, lớn gấp 15 lần lượng dầu qua kênh đào Panama*” (EIA, 2013). Theo số lượng thống kê, hàng năm có khoảng 100.000 chuyến tàu chở dầu, container và thương mại qua eo biển này với khoảng hơn 3 triệu thùng dầu mỗi ngày. Hiện nay, lượng hàng hóa vận chuyển qua eo biển Malacca đứng thứ 2 thế giới với khoảng 50.000 đến 70.000 tàu thuyền qua lại mỗi năm, chiếm khoảng 25% lượng thương mại toàn cầu và 50% lượng dầu vận chuyển bằng đường biển. “*Trong thời gian gần đây, số lượng các tàu buôn quốc tế đi qua eo biển Malacca tăng từ 55.957 trong năm 2000 lên đến hơn 71.359 vào năm 2009, ước chừng vào khoảng 150.000 vào năm 2020*” (Vijay Sakhuja, 2007).

Eo biển Malacca không chỉ là eo biển quan trọng đối với khu vực Đông Nam Á mà còn nắm giữ vị trí chiến lược về an ninh hàng hải, thương mại trên biển của nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới. Với Hoa Kỳ, eo biển Malacca là một trong những vị trí chiến lược quan trọng tại khu vực Đông Nam Á. Tài liệu

Hoa Kỳ công bố năm 2001 khẳng định: “*Chúng ta cần phải duy trì một lối vào tự do và cởi mở với các tuyến đường biển tại eo biển Malacca và Lombok. Duy trì các điểm nút khác dưới sự đảm bảo an ninh hàng hải tại biển Đông và sự an toàn về hàng hải cho tất cả các bên hữu quan theo luật pháp quốc tế*” (Council Foreign Relations, 2001).

Đối với Hoa Kỳ, lợi ích ở biển Đông bao gồm cả lợi ích trước mắt (kinh tế, thương mại) và lợi ích lâu dài (an ninh chiến lược). Biển Đông hiện đang là nơi tranh chấp chủ quyền giữa các quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc.

Trước đó, tháng 2/1992, Trung Quốc công bố “Luật lãnh hải”, xác định về mặt chủ quyền đối với biển Đông đã làm dấy lên lo ngại của nhiều quốc gia. Hoa Kỳ cho rằng nếu có quốc gia nào sử dụng vũ lực để giành chủ quyền ở biển Đông, họ có thể sẽ can thiệp. Nếu như trước đây, tranh chấp quần đảo Trường Sa giữa các bên Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Malaysia và Brunei, Hoa Kỳ luôn giữ lập trường “không can thiệp” thì từ sau chiến tranh lạnh, khi tranh chấp chủ quyền ở biển Đông ngày càng trở nên phức tạp, Hoa Kỳ có những thay đổi nhất định trong chính sách can thiệp.

Báo cáo Chiến lược an ninh quốc gia của Hoa Kỳ ở Đông Á (2/1995) đã chỉ rõ: “*Mỹ coi những vùng biển sâu ở biển Nam Trung Hoa (biển Đông) là vùng biển chung của quốc tế. Lợi ích chiến lược của Mỹ trong việc duy trì các tuyến giao thông nối liền Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Đại Tây Dương làm cho Mỹ nhận thấy sự cần thiết phải chống lại bất cứ tuyên bố hải phận nào vượt quá quy định của UNCLOS*” (Bộ QP Mỹ, 1995). Tháng 6 cùng năm, hạ viện thông qua “*Dự án Luật lợi ích hải ngoại của Mỹ*”, khẳng định tự do hàng hải ở biển Đông là “*đặc biệt quan trọng*” với an ninh quốc gia Hoa Kỳ và các nước đồng minh. Hoa Kỳ cũng chỉ ra rằng “*tự do hàng hải*” ở khu vực này là lợi ích cơ bản của Hoa Kỳ.

Từ năm 2000, các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, Nga không ngừng tăng cường ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á cho thấy tầm quan trọng của tuyến đường hàng hải ở eo biển Malacca cũng như biển Đông. Trong đó, nổi bật lên vai trò của Hoa Kỳ trong việc kiềm chế Trung Quốc và kiểm soát các vấn đề tranh chấp chủ quyền trong khu vực. Bên cạnh cơ chế an ninh 4 cấp được xác lập, Hoa Kỳ còn thực hiện xây dựng mạng lưới an ninh song phương với Philippines, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Singapore và Brunei thông qua Exercise Team Challenge (ETC). Trong khuôn khổ ETC, Hoa Kỳ đã triển khai thường xuyên các cuộc tập trận chung với các nước, trong đó các cuộc tập trận CARAT

(Cooperation Afloat Readiness and Training) có quy mô lớn nhất và diễn ra thường xuyên.

Tháng 4/2004, Hoa Kỳ đưa ra kế hoạch “Sáng kiến an ninh hàng hải khu vực” (RMSI) về việc Hoa Kỳ sẽ phái hải quân và lực lượng đặc nhiệm đến khu vực eo biển Malacca để thực hiện các hoạt động phòng ngừa khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt, buôn lậu ma túy, cướp biển... Tuy sáng kiến này vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của Indonesia và Malaysia nhưng đã cho thấy sự quan tâm của Hoa Kỳ đối với an ninh eo biển này. Mặc dù không trực tiếp tham gia vào việc gìn giữ an ninh eo biển Malacca, Hoa Kỳ cũng đã tìm cách để có những thương lượng nhất định với các bên có liên quan nhằm ngăn ngừa xung đột an ninh hàng hải ở khu vực biển đảo Đông Nam Á nói chung và “duy trì một lối vào tự do và cởi mở đối với các tuyến đường thuộc eo biển Malacca” nói riêng.

Đầu năm 2010, chính quyền Obama công bố chính sách tái can dự Đông Á. Mục tiêu của chính sách này nhằm tăng cường những cam kết ngoại giao và an ninh của Hoa Kỳ ở khu vực thông qua việc củng cố các mối liên minh song phương và ủng hộ hệ chủ nghĩa đa phương khu vực. Chính quyền Obama đã tiến hành nhiều hoạt động chứng tỏ sự quan tâm và can thiệp vào vấn đề biển Đông. Ngày 24/7/2010, trong bài phát biểu tại Hà Nội, Ngoại trưởng Hillary Clinton một lần nữa khẳng định: “*Mỹ có lợi ích quốc gia đối với tự do hàng hải, tiếp cận mở đến những vùng biển chung của châu Á và sự tôn trọng của các quốc gia ven biển đối với luật biển quốc tế ở biển Đông*” (Đặng Đình Quý, 2012). Ngoại trưởng Hillary Clinton cho biết Hoa Kỳ sẵn sàng tạo điều kiện thúc đẩy đàm phán đa phương để giải quyết tranh chấp vùng đảo Trường Sa. Tuyên bố Hà Nội (7/2010) cho thấy sự quan ngại ngày càng sâu sắc của Hoa Kỳ đối với những hành động khiêu khích ngày càng gia tăng của Trung Quốc tại biển Đông. Ngoại trưởng Hillary đồng thời cũng gọi mở chiến lược “kiềm chế” Trung Quốc của Hoa Kỳ ở biển Đông.

Tháng 11/2011, Hoa Kỳ công bố chiến lược trọng tâm châu Á, mục tiêu tạo đối trọng ảnh hưởng chiến lược trước các hành động đáng quan ngại của Trung Quốc ở biển Đông. Trong năm 2014, quan chức Hoa Kỳ thực hiện liên tiếp các chuyến thăm và làm việc tại Singapore, Myanmar, Trung Quốc. Đây được xem là những động thái tích cực của chính phủ Hoa Kỳ trong việc thực hiện mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia, duy trì tự do, ổn định hàng hải và thương mại quốc tế cũng như an ninh chiến lược biển Đông.

Thông qua cơ chế Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), TAC với các đối tác, vai trò của ASEAN trong các vấn đề hòa bình, an ninh khu vực được

thúc đẩy mạnh mẽ. Về phía Hoa Kỳ đồng thời tích cực tham gia các diễn đàn, cơ chế an ninh do ASEAN dẫn dắt như ARF, Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Diễn đàn Biển ASEAN mở rộng (EAMF),... Hoa Kỳ tăng cường can dự sâu hơn vào các vấn đề trọng yếu tại Đông Nam Á, đặc biệt là vấn đề biển Đông, các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, tạo nhân tố cân bằng quan hệ với các cường quốc trong khu vực.

Về vấn đề biển Đông, các nước ASEAN có lập trường và lợi ích khác nhau đối với tranh chấp ở khu vực này. Để phù hợp với lập trường và quan điểm của các nước ASEAN, kể cả các nước ASEAN không có tranh chấp với Trung Quốc, Hoa Kỳ luôn cố gắng tránh để khu vực này bùng phát xung đột hay “quân sự hóa”. Hoa Kỳ đã và đang hợp tác với các nước ASEAN trong việc bảo đảm hòa bình, ổn định ở Biển Đông cũng như hỗ trợ các nước ASEAN nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.

Có thể thấy, tranh chấp biển Đông khó có thể được giải quyết trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, với những lợi ích trước mắt và lâu dài, an ninh hàng hải và an ninh chiến lược biển Đông là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược châu Á – Thái Bình Dương của Hoa Kỳ trong cả thế kỷ XX và XXI.

2.2 Lợi ích kinh tế, thương mại của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á

Bên cạnh việc tăng cường các mối quan hệ song phương với từng quốc gia, Hoa Kỳ không ngừng nỗ lực thúc đẩy quan hệ hợp tác với ASEAN. Chính sách kinh tế của Hoa Kỳ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương với động cơ chính là nhằm duy trì sự phồn thịnh kinh tế của Hoa Kỳ, đảm bảo sự chi phối và ảnh hưởng của Hoa Kỳ cùng với những ưu thế khác về quân sự và dân chủ của khu vực.

Ngoại trưởng James Keyly xác định mục tiêu kinh tế hàng đầu của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á là thúc đẩy tăng trưởng thông qua việc mở rộng thương mại và đầu tư. Với tư cách là một khu vực quan trọng trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, Đông Nam Á là đối tác thương mại triển vọng, thu hút một lượng lớn các nhà đầu tư Hoa Kỳ.

Về lợi ích kinh tế, Đông Nam Á được xem là mảnh đất đầu tư màu mỡ của Hoa Kỳ. Sau Nhật Bản và EU, Đông Nam Á là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Hoa Kỳ. Năm 2001, kim ngạch thương mại hai chiều Hoa Kỳ - ASEAN đạt 107 tỷ USD. Con số này tăng lên 127 tỷ USD vào năm 2005. Trên thực tế, ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ tư của Hoa

Kỳ với nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất vào khu vực. Ước tính, FDI của Hoa Kỳ vào Đông Nam Á gấp nhiều lần so với Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ cộng lại. Tính đến 2014, FDI của Hoa Kỳ vào ASEAN đạt 226 tỷ USD, thuộc nhóm các nhà đầu tư lớn nhất ASEAN (An Nhiên, 2016). Theo số liệu từ Nhà Trắng, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Hoa Kỳ - ASEAN đã tăng lên gấp 3 lần trong khoảng 15 năm (1990 - 2014), đạt 254 tỷ năm 2014. Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Hoa Kỳ (2/2016), đại sứ Hoa Kỳ tại ASEAN Nina Hachigian khẳng định Hoa Kỳ có mối quan hệ ngày càng sâu rộng với các nước ASEAN.

Nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh với các quốc gia khác tại thị trường Đông Nam Á, Hoa Kỳ tăng cường các chính sách tự do hóa thương mại đối với khu vực. Năm 2005, ASEAN và Hoa Kỳ thiết lập quan hệ đối tác tăng cường. Năm 2009, Hoa Kỳ tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á (TAC). Từ năm 2010, quan hệ thương mại ASEAN - Hoa Kỳ được thúc đẩy qua nhiều cơ chế, đặc biệt trong khuôn khổ các Hội nghị cấp cao Hoa Kỳ - ASEAN qua các cuộc họp hằng năm được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2013.

Trong bối cảnh hiện nay, việc mở cửa thị trường và tạo dựng sự kết nối cho các doanh nghiệp của Hoa Kỳ tại các quốc gia Đông Nam Á mang ý nghĩa quan trọng. Mối quan hệ hợp tác ngày càng chặt chẽ hơn giữa Hoa Kỳ và ASEAN kỳ vọng hứa hẹn những lợi ích tốt đẹp cho cả đôi bên. Về phía Hoa Kỳ, Đông Nam Á là nền kinh tế đang có tốc độ tăng trưởng cao, có khả năng tạo dựng uy tín và ảnh hưởng tại khu vực khi Hoa Kỳ gắn kết quan hệ thương mại. Đối với các nước ASEAN, đây là điều kiện để các quốc gia vươn tới thị trường thế giới, có ý nghĩa quyết định trong hoạt động thương mại ASEAN. Dưới thời Tổng thống Obama, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được xem là một nỗ lực của Hoa Kỳ trong việc tăng cường hợp tác kinh tế với các nước châu Á - Thái Bình Dương nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng. Tính đến năm 2016, 4 trên 10 nước ASEAN đã tham gia ký kết hiệp định, bao gồm Việt Nam, Singapore, Brunei, Malaysia. Rất tiếc, sau khi kết thúc nhiệm kỳ của Obama, TPP không được triển khai theo đúng dự kiến ban đầu do sự rút lui của Hoa Kỳ.

Bên cạnh đó, việc gia tăng hợp tác thương mại giữa Hoa Kỳ và ASEAN đồng thời đóng góp vào sự phát triển của khu vực, đưa ASEAN trở thành thị trường hấp dẫn không chỉ với Hoa Kỳ mà còn các quốc gia khác trên thế giới. Năm 2002, Tổng thống Bush đề xuất sáng kiến doanh nghiệp ASEAN (EAI) và mở rộng hiệp định buôn bán tự do (FTA) giữa Hoa Kỳ với các nước ASEAN, tiến tới thành lập mạng lưới FTA song phương tại Đông Nam Á. Cho

đến hiện nay, Hoa Kỳ đã ký FTA với Singapore (2004). Việc ký kết FTA đã thúc đẩy quan hệ thương mại Hoa Kỳ - Singapore phát triển nhanh chóng. Hoa Kỳ trở thành nhà đầu tư hàng đầu tại Singapore, vượt qua nhiều cường quốc khác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương như Nhật Bản, Australia. Đây được xem là nền tảng để Hoa Kỳ tiếp tục mở rộng FTA với các quốc gia Đông Nam Á khác.

Ngoài ra, Hoa Kỳ còn tích cực thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác thương mại song phương với nhiều quốc gia trong khu vực. Sau Singapore, Hoa Kỳ đang trong quá trình đàm phán FTA với Thái Lan, Malaysia và Indonesia. Cho đến nay, Hoa Kỳ đã ký kết Hiệp định Khung về Thương mại và Đầu tư với Philippines (1989), Indonesia (1996), Brunei (2002), Thái Lan (2002), Malaysia (2004), Campuchia (2006), Việt Nam (2007). Tại Hội nghị Thượng đỉnh Diễn đàn hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 2002, Hoa Kỳ đã đưa ra "Sáng kiến vì một ASEAN năng động", khởi đầu bằng việc ký kết các hiệp định tự do thương mại song phương với các nước Singapore, Thái Lan, Philippines. Tháng 8/2006, Hoa Kỳ và ASEAN ký Hiệp định khung về đầu tư và thương mại (TIFA), tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư Hoa Kỳ vào ASEAN. Đối với Myanmar, năm 2004 Tổng thống Bush tuyên bố ngừng viện trợ, trừng phạt kinh tế và can thiệp vào các vấn đề chính trị, dân chủ, quan hệ thương mại Hoa Kỳ - Myanmar suy giảm nghiêm trọng.

Tháng 11/2015, tại Hội nghị Cấp cao lần thứ 3 tổ chức tại Malaysia, quan hệ song phương Hoa Kỳ - ASEAN được nâng lên tầm đối tác chiến lược, đồng thời thông qua Kế hoạch Hành động giai đoạn 2016-2020, triển khai Đối tác chiến lược ASEAN - Hoa Kỳ. Có thể thấy, Hoa Kỳ rất coi trọng vị trí và vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực, mong muốn đưa quan hệ ASEAN - Hoa Kỳ đi vào thực chất, mang lại lợi ích thiết thực cho mỗi quốc gia cũng như khu vực. Với tư cách là một đối tác đáng tin cậy, một tổ chức có vai trò quan trọng ở khu vực, một cộng đồng kinh tế có tính cạnh tranh, hấp dẫn với tổng GDP trên 2600 tỉ USD và một thị trường 625 triệu người tiêu dùng, ASEAN thể hiện vai trò không thể thiếu trong hợp tác kinh tế, thương mại với Hoa Kỳ.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi tham gia Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) năm 2011, Hoa Kỳ đã chính thức hóa Hội nghị Cấp cao ASEAN-Hoa Kỳ năm 2013 và nâng cấp quan hệ Đối tác chiến lược với ASEAN trong năm 2015, thể hiện sự quan tâm của Hoa Kỳ trong việc để thúc đẩy các hoạt động hợp tác với ASEAN và gia tăng ảnh hưởng tới khu vực. Hoa Kỳ ngày càng coi trọng vai trò then chốt của ASEAN trong chiến lược châu Á - Thái Bình

Dương. Mức độ hợp tác giữa Hoa Kỳ và ASEAN ngày càng sâu rộng, chặt chẽ trên nhiều mặt, cả ở góc độ song phương và đa phương.

2.3 Đông Nam Á là địa bàn triển khai “sức mạnh mềm” của Hoa Kỳ

Theo Joseph S. Nye, sức mạnh mềm hay quyền lực mềm là khả năng tác động đến các quốc gia khác để đạt được kết quả mong muốn thông qua cách cuốn hút, hấp dẫn thay vì ép buộc. Cho đến nay, có thể thấy Hoa Kỳ đã sử dụng ba công cụ chính trong chính sách đối ngoại nhằm tác động đến các quốc gia khác để đạt được mục đích của mình là đe dọa (cây gậy), dụ dỗ (củ cà rốt) và lôi cuốn, hấp dẫn. Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, bằng nhiều công cụ khác nhau, Hoa Kỳ đã tác động và gây ảnh hưởng đến Đông Nam Á thông qua “sức mạnh mềm”.

Sau chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ tăng cường lợi dụng vấn đề dân chủ và nhân quyền nhằm can thiệp vào nội bộ các quốc gia. Bằng phương thức ngoại giao sử dụng “dân chủ và nhân quyền”, Hoa Kỳ tranh thủ sự ủng hộ của dư luận trong và ngoài nước. Ở khu vực Đông Nam Á, Hoa Kỳ thực hiện gây sức ép thông qua dân chủ và nhân quyền với mức độ và hình thức khác nhau ở mỗi quốc gia. Với những nước là đồng minh hoặc tích cực hợp tác trong cuộc chiến chống khủng bố ở Đông Nam Á, Hoa Kỳ không thúc ép quá mạnh trong vấn đề nhân quyền. Ngược lại các nước như Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar, Hoa Kỳ gia tăng sức ép ngày càng mạnh về dân chủ và nhân quyền, kết hợp cả “diễn biến hòa bình” và can thiệp vào công việc nội bộ của các nước. Về vấn đề dân chủ và nhân quyền, Hoa Kỳ luôn đặt tiêu chuẩn dân chủ Mỹ làm giá trị khuôn mẫu, mục tiêu làm thay đổi các quốc gia theo mô hình dân chủ Mỹ. Khi vấp phải sự phản đối từ các quốc gia trong khu vực, Hoa Kỳ áp dụng những biện pháp trừng phạt về kinh tế, quân sự. Đây được xem là một trong những chính sách ngoại giao chủ chốt của Hoa Kỳ, kết hợp “cây gậy” và “củ cà rốt”, đồng thời tích cực khuếch trương các giá trị dân chủ và nhân quyền của Hoa Kỳ trên khắp thế giới, tạo nên “quyền lực mềm” song song với quyền lực về kinh tế và quân sự.

Cho đến nay, gây ảnh hưởng và can thiệp bằng nhân quyền và dân quyền vẫn là một trong những trụ cột chính của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ đối với Đông Nam Á. Có thể nói, “*Trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, không một vấn đề nào trở thành trung tâm trong quan hệ giữa Hoa Kỳ với Đông Nam Á hơn là vấn đề dân chủ và nhân quyền*” (Sukma Rizal, 2000). Tuy nhiên, chính sách nhân quyền của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á dưới thời Bill Clinton không đạt được nhiều kết quả như mong muốn. Ngay sau khi lên nắm chính quyền, Tổng thống

Bush đã điều chỉnh chính sách hỗ trợ nước ngoài của Hoa Kỳ, trong đó ba trụ cột chính là: *Tăng trưởng kinh tế nông nghiệp và thương mại; sức khỏe toàn cầu; dân chủ; ngăn ngừa xung đột và hỗ trợ nhân đạo*. Khi sự kiện 11/09/2001 bùng nổ, chính quyền Bush đặt trọng tâm chính sách đối ngoại vào cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Tại Đông Nam Á, Hoa Kỳ hạn chế vấn đề dân chủ và nhân quyền nhằm thực hiện mục tiêu chính trị ưu tiên hàng đầu là chống khủng bố. Tuy vậy, trợ lý ngoại trưởng James Kelly khẳng định Hoa Kỳ “*vẫn có những quan tâm nghiêm túc về vấn đề nhân quyền ở một số nước thành viên ASEAN*” (Nguyễn Văn Lan, 2005). Nhằm thúc đẩy chủ và quản lý hiệu quả, năm 2004 cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) về viện trợ nước ngoài đã xác định 5 mục tiêu cốt lõi về chương trình hỗ trợ nước ngoài, trong đó nhấn mạnh: Thúc đẩy sự phát triển biến đổi về chất; Cung cấp hỗ trợ nhân đạo; Ủng hộ các lợi ích địa chiến lược của Hoa Kỳ. USAID tại Đông Á tập trung vào các chính sách về kinh tế, thương mại, song song với việc hỗ trợ thực hiện các chính sách dân chủ của Hoa Kỳ tại khu vực này. Vấn đề thúc đẩy phát triển dân chủ và nhân quyền của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á được thực hiện với những tính toán cẩn thận về chính trị thông qua các công cụ hỗ trợ phát triển “có điều kiện”, đồng thời can thiệp vào tín ngưỡng, tôn giáo các quốc gia.

Cho đến nay, vấn đề dân chủ và nhân quyền chưa thực sự là vấn đề nghị sự lớn của ASEAN. Tuy nhiên, nhiều quốc gia Đông Nam Á đang gặp rắc rối với các vấn đề sắc tộc, tôn giáo tín ngưỡng, khủng bố diễn ra bên cạnh những khó khăn, yếu kém của các nền kinh tế. Đây là điều kiện để Hoa Kỳ có cơ hội can thiệp vào các nước thông qua các khoản “viện trợ nhân đạo”, “bảo vệ nhân quyền”, “tự do tôn giáo”. Trên thực tế, do quan điểm độc lập của ASEAN trong việc tiếp nhận những giá trị dân chủ và nhân quyền cũng như sự can thiệp của Hoa Kỳ vào nội bộ các nước, Hoa Kỳ đã có những động thái nhượng bộ nhất định nhằm hạn chế gia tăng sự phản đối của các nước ASEAN. Hoa Kỳ đã tham gia nhiều diễn đàn khu vực như Hội nghị Ngoại trưởng các nước ASEAN (PMC), Diễn đàn an ninh ASEAN (ARF) và nhiều diễn đàn kinh tế khác nhằm tranh thủ sự ủng hộ và duy trì ảnh hưởng ở khu vực này. Đồng thời, Hoa Kỳ tích cực thúc đẩy, lôi kéo các nước ASEAN như Thái Lan, Philippines, Malaysia, Singapore, Brunei, Indonesia phát triển theo hướng dân chủ và nền kinh tế thị trường kiểu Mỹ.

Đối với Đông Nam Á, các quốc gia cho rằng thực hiện nhân quyền phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ các nước. Aung San Suu Kye cho rằng: “*Chúng ta không chấp*

nhận khái niệm cho dân chủ là một giá trị của phương Tây. Trái lại, dân chủ đơn thuần có nghĩa là chính phủ tốt dựa trên nền tảng nghĩa vụ, sự minh bạch rõ ràng và trách nhiệm” (Nguyễn Văn Lan, 2005). Cho đến nay, phần lớn các quốc gia ASEAN vẫn giữ vững quan điểm và lập trường về vấn đề dân quyền và nhân quyền tại Đông Nam Á, hạn chế sự can thiệp sâu của Hoa Kỳ vào độc lập chủ quyền của các nước.

Nhìn chung, trước phản ứng mạnh mẽ của các nước trong khu vực, Hoa Kỳ đã có những điều chỉnh nhất định trong việc sử dụng “nguồn lực mềm” thông qua các công cụ dân chủ và nhân quyền. Tuy vậy, song song với việc gây sức ép về kinh tế, quân sự, “quyền lực mềm” vẫn được Hoa Kỳ sử dụng như một phương pháp nhằm tạo ảnh hưởng và tăng cường vai trò của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á.

3 KẾT LUẬN

Qua 4 nhiệm kỳ Tổng thống, trước nhiều biến động của tình hình thế giới và khu vực, Hoa Kỳ luôn đánh giá cao vai trò và vị trí chiến lược của Đông Nam Á trong chính sách đối ngoại quốc gia. Vị trí địa chính trị quan trọng của khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ được đặt trong tâm trên 3 phương diện chính là quan hệ an ninh – quốc phòng, quan hệ thương mại và địa bàn lan tỏa sức mạnh mềm của Hoa Kỳ. Mặc dù có những phản ứng nhất định của các quốc gia Đông Nam Á trước sự can dự ngày càng sâu của Hoa Kỳ tại khu vực này nhưng có thể thấy rằng với vị trí chiến lược đặc biệt, Đông Nam Á sẽ luôn là nước cờ địa chính trị quan trọng mà Hoa Kỳ không thể bỏ qua trong chính sách đối ngoại tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

An Nhiên, 2016. Quan hệ Mỹ - ASEAN: hợp tác vì tương lai, truy cập ngày 16/10/2016.

<http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Binh-luan/2016/37849/Quan-he-My-ASEAN-hop-tac-vi-tuong-lai.aspx>.

Phạm Cao Cường, 2005. Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đông Nam Á từ sau sự kiện 11/9. Tạp chí Châu Mỹ ngày nay. 6: 23-40.

Bộ QP Mỹ, 1995. Chiến lược an ninh của Mỹ đối với KV Đông Á – Thái Bình Dương. Tài liệu tham khảo đặc biệt.

Council Foreign Relations, 2001. The United States and Southeast Asia: A policy Agenda for New Administration, truy cập ngày 12/10/2016. <http://www.cfr.org/asia-and-pacific/united-states-southeast-asia/p3979>.

Đặng Đình Quý, 2013. Biển Đông: Địa chính trị, lợi ích, chính sách và hành động của các bên liên quan. Nxb Thế giới. Hà Nội, 319 trang.

EIA, 2013. The South China Sea is an important world energy trade route, truy cập ngày 12/10/2016. <http://www.eia.gov/todayinenergy/detail.cfm?id=10671>.

Hillary Clinton, 2011. America’s Pacific Century, truy cập ngày 12/10/2016. <http://foreignpolicy.com/2011/10/11/americas-pacific-century/>.

Nguyễn Văn Lan, 2005. Nhân tố địa chính trị trong chiến lược toàn cầu mới của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á, Đề tài NCKH cấp Bộ. Hà Nội, 173 trang.

The White House, 2002. The National Security Strategy of United States of American, truy cập ngày 10/10/2016. <http://www.state.gov/documents/organization/63562.pdf>.

The White House, 2003. The National Strategy for Combating Terrorism, truy cập ngày 10/10/2016. <http://2001-2009.state.gov/s/ct/rls/wh/71803.htm>

Vijay Sakhujia, 2007. Malacca: Who’s topay for smooth sailing?, truy cập ngày 05/10/2016. http://www.atimes.com/atimes/Southeast_Asia/I E16Ae01.html